Mục lục

Contents

[Chương I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG 1](#_Toc60142329)

[Điều 1. Phạm vi trách nhiệm 1](#_Toc60142330)

[Điều 2. Tên Công ty 1](#_Toc60142331)

[Điều 3. Trụ sở chính và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện 1](#_Toc60142332)

[Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh 1](#_Toc60142333)

[Điều 5. Thời hạn hoạt động 2](#_Toc60142334)

[Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của công ty 2](#_Toc60142335)

[Điều 7. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty 2](#_Toc60142336)

[Điều 8. Con dấu của công ty 3](#_Toc60142337)

[Chương II: VỐN VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY 3](#_Toc60142338)

[Điều 9. Vốn điều lệ 3](#_Toc60142339)

[Điều 10. Tăng, giảm vốn điều lệ 4](#_Toc60142340)

[Điều 11. Quyền của chủ sở hữu công ty 4](#_Toc60142341)

[Điều 12. Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty 4](#_Toc60142342)

[Điều 13. Thực hiện quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt 5](#_Toc60142343)

[Chương III: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY 6](#_Toc60142344)

[Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu 6](#_Toc60142345)

[Điều 15. Chủ tịch công ty 6](#_Toc60142346)

[Điều 16. Giám đốc 6](#_Toc60142347)

[Điều 17. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty, Giám đốc 7](#_Toc60142348)

[Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty 7](#_Toc60142349)

[Chương IV: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 7](#_Toc60142350)

[Điều 19. Năm tài chính 7](#_Toc60142351)

[Điều 20. Sổ sách kế toán - báo cáo tài chính 8](#_Toc60142352)

[Điều 21. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và lập quỹ. 8](#_Toc60142353)

[Điều 22. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ 8](#_Toc60142354)

[Chương V: THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ 8](#_Toc60142355)

[Điều 23. Thành lập 8](#_Toc60142356)

[Điều 24. Tổ chức lại công ty 9](#_Toc60142357)

[Điều 25. Giải thể công ty 9](#_Toc60142358)

[Chương VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 10](#_Toc60142359)

[Điều 26. Hiệu lực của Điều lệ 10](#_Toc60142360)

[Điều 27. Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ 10](#_Toc60142361)

[Điều 28. Điều khoản cuối cùng 11](#_Toc60142362)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY …**

Ông/ Bà: … Giới tính:

Sinh ngày: … Dân tộc:Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: …

Ngày cấp: … Nơi cấp: Công an …

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: …

Chỗ ở hiện tại: …

Nay quyết định thành lập CÔNG TY … (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động tuân theo Luật Doanh nghiệp 2020 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các điều khoản sau đây của Bản điều lệ này.

# Chương I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

## Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

## Điều 2. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng Tiếng Việt:

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

- Tên Công ty viết tắt:

## Điều 3. Trụ sở chính và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại:

Điện thoại: Fax: .................

E-mail: ………………… ………… Website:

Công ty có thể thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đặt văn phòng đại diện hoặc chi nhánh ở trong nước và nước ngoài theo quyết định của chủ sở hữu và phù hợp với quy định của pháp luật.

## Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành** |
| **1** |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |
| **4** |  |  |

Công ty có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật Nhà nước quy định.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh, trừ các ngành, nghề cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Chủ sở hữu ra quyết định thay đổi ngành, nghề kinh doanh và phải thông báo cơ quan đăng ký kinh doanh để bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

## Điều 5. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là vĩnh viễn, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp giải thể.

Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật.

## Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiên các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.

Ông/ Bà: Giới tính: Nam

Chức vụ: …

Sinh ngày:… Dân tộc: … Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: …

Ngày cấp: … Nơi cấp: Công an ….

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: …

Chỗ ở hiện tại: …

3. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải cư trú tại Việt Nam. Khi xuất cảnh khỏi Việt Nam, Giám đốc công ty phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

## Điều 7. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

## Điều 8. Con dấu của công ty

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu là tài sản của công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật. Tranh chấp về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu doanh nghiệp được giải quyết tại Tòa án hoặc trọng tài.

2. Nội dung con dấu công ty bao gồm:

a) Tên doanh nghiệp

b) Mã số doanh nghiệp

Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu. Tranh chấp về hình thức, số lượng và nội dung con dấu, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu được giải quyết tai tòa án.

3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng con dấu: Con dấu của công ty giao cho người đại diện pháp luật của công ty bảo quản và sử dụng theo đúng mục đích của công ty và theo quy định của pháp luật.

4. Hiệu lực con dấu: Có hiệu lực kể từ ngày công ty bắt đầu hoạt động.

# Chương II: VỐN VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

## Điều 9. Vốn điều lệ

1. Toàn bộ vốn điều lệ của công ty là do chủ sở hữu công ty đóng góp.

2. Vốn điều lệ của công ty là : … đồng, bao gồm:

- Tiền Việt Nam: … đồng (Bằng chữ: … ).

- Tài sản khác:

- Thời điểm dự kiến hoàn thành việc chuyển giao vốn: 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

3. Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn 90 ngày quy định tại khoản 2 Điều này, chủ sở hữu công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ bằng giá trị số vốn đã góp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. Trường hợp này, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày cuối cùng công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ.

4. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty và thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ và không góp đúng hạn vốn điều lệ.

## Điều 10. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Công ty giảm vốn điều lệ khi:

- Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu;

- Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn như cam kết khi thành lập doanh nghiệp và việc thực hiện giảm vốn điều lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;

2. Công ty tăng vốn điều lệ thông qua việc chủ sở hữu công ty góp thêm vốn hoặc huy động thêm vốn góp của người khác.

Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần. Việc tổ chức quản lý công ty được thực hiện như sau:

a) Trường hợp tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ;

b) Trường hợp chuyển đổi thành công ty cổ phần thì công ty thực hiện theo quy định tại Điều 202 của Luật doanh nghiệp 2020.

## Điều 11. Quyền của chủ sở hữu công ty

1. Chủ sở hữu công ty là tổ chức có quyền sau đây:

a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu;

c) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

d) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

đ) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

e) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

i) Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty.

## Điều 12. Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty

1. Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ công ty.

3. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty với tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với chi tiêu của Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, hợp đồng, giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.

5. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

6. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

## Điều 13. Thực hiện quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác hoặc công ty kết nạp thêm thành viên mới thì công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.

2. Trường hợp chủ sở hữu công ty bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì ủy quyền cho người khác thực hiện một số hoặc tất cả quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty.

3. Trường hợp chủ sở hữu công ty chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ sở hữu công ty hoặc thành viên công ty. Công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc giải quyết thừa kế. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Trường hợp chủ sở hữu công ty mất tích thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Trường hợp chủ sở hữu công ty mà bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty được thực hiện thông qua người đại diện.

6. Trường hợp chủ sở hữu công ty mà bị Tòa án cấm hành nghề, làm công việc nhất định hoặc chủ sở hữu công ty là pháp nhân thương mại bị Tòa án cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định thuộc phạm vi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp thì cá nhân đó không được hành nghề, làm công việc nhất định tại công ty đó hoặc công ty tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề có liên quan theo quyết định của Tòa án.

# 

# Chương III: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

## Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

2. Chủ sở hữu công ty là Chủ tịch công ty và có thể kiêm hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

3. Quyền, nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty và hợp đồng lao động.

## Điều 15. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quyền, nghĩa vụ và chế độ làm việc của Chủ tịch công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quyết định của Chủ tịch công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty có hiệu lực kể từ ngày được chủ sở hữu công ty phê duyệt, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

## Điều 16. Giám đốc

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

e) Ký hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Tuyển dụng lao động;

l) Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty và hợp đồng lao động.

3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh.

## Điều 17. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty, Giám đốc

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho chủ sở hữu công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

## Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty

1. Người quản lý công ty được hưởng thù lao hoặc tiền lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Chủ sở hữu công ty quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch công ty. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

# Chương IV: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

## Điều 19. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

## Điều 20. Sổ sách kế toán - báo cáo tài chính

1. Sổ sách kế toán của Công ty đều mở đầy đủ và giữ đúng các quy định pháp luật hiện hành.

2. Cuối mỗi năm tài chính, Công ty sẽ lập bản báo cáo tài chính để trình cho chủ sở hữu xem xét.

3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ được gởi đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thống kê có thẩm quyền.

## Điều 21. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và lập quỹ.

1. Lợi nhuận chung của công ty là khoản chênh lệch giữa tổng thu nhập đạt được trừ đi tổng chi phí.

Lợi nhuận ròng của công ty là khoản lợi nhuận còn lại sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Lợi nhuận ròng được xác định vào cuối niên khóa tài chính thuộc quyền sở hữu của chủ sở hữu công ty và được chủ sở hữu quyết định phân chia lập các quỹ như sau:

- Lập quỹ dự trữ bắt buộc, với mức trích từ 5% đến 10% lãi ròng;

- Lập quỹ tái đầu tư phát triển, mức trích từ 10 đến 15% lãi ròng;

- Quỹ khen thưởng, mức trích từ 5 đến 10% lãi ròng.

## Điều 22. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

1. Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, chủ sở hữu có thể quyết định giải quyết kịp thời theo 2 phương án sau :

a. Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;

b. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời đưa ra biện pháp để khắc phục.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn kông khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì chủ sở hữu, giám đốc công ty sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Phá sản hiện hành.

# Chương V: THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

## Điều 23. Thành lập

1. Công ty được thành lập sau khi Bản điều lệ này được Chủ sở hữu công ty chấp thuận và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập Công ty đều được ghi vào mục chi phí của Công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên.

## Điều 24. Tổ chức lại công ty

Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định tại Điều 198, 199, 200, 201, 202 của Luật Doanh nghiệp 2020.

## Điều 25. Giải thể công ty

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Chủ sở hữu;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2.  Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp..

3. Công ty thực hiện việc giải thể như sau:

a) Thông qua nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

ii) Lý do giải thể;

iii) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;

iv) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

v) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp;

c) Gửi nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp về việc giải thể đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

d) Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:

i) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

ii) Nợ thuế;

iii) Các khoản nợ khác.

đ) Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại chia các thành viên công ty theo tỷ lệ sở hữu.

e) Công ty phải chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (nếu có) tại Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở trước khi nộp hồ sơ giải thể công ty.

g) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi Hồ sơ giải thể đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

3. Trường hợp công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 209 Luật Doanh nghiệp 2020.

4. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm giấy tờ sau đây:

a) Thông báo về giải thể doanh nghiệp;

b) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp.

Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

# Chương VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

## Điều 26. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

## Điều 27. Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay.

3. Điều lệ được sửa đổi, bổ sung phải có họ tên, chữ ký của chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật.

## Điều 28. Điều khoản cuối cùng

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

2. Trong trường hợp điều lệ này có điều khoản trái pháp luật hoặc dẫn đến việc thi hành trái pháp luật, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được Chủ sở hữu công ty xem xét sửa đổi.

3. Khi muốn sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ này, chủ sở hữu công ty sẽ quyết định.

Bản điều lệ này đã được chủ sở hữu công ty xem xét từng chương, từng điều và ký tên.

Bản điều lệ này gồm 06 chương 28 điều, được lập thành 02 bản có giá trị như nhau: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 01 bản lưu trữ tại trụ sở công ty.

Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của chủ sở hữu công ty.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2021* |
|  | **CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |